

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 137/2019/HS-PT

Ngày : 16 - 8 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân H

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Hoài T

Ông Nguyễn Thanh T

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị T là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn P – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 114/2019/TLPT-HS ngày 05 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo Trần Văn C và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo và người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2019/HSST ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. **Trần Văn C** – Sinh năm: 1967 tại huyện H, tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn D, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần K (chết) và bà Cái Thị V – Sinh năm: 1930; vợ: Lữ Thị N – Sinh năm: 1969; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Thị N** (tên gọi khác: H) – Sinh năm: 1974 tại huyện H, tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn D, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần K (chết) và bà Cái Thị V – Sinh năm: 1930; chồng: Trương Khánh V - Sinh năm: 1981; con: Có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Thị L** (tên gọi khác: C) – Sinh năm: 1966 tại huyện H, tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn D, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đ (chết) và bà Đặng Thị T (chết); chồng: Nguyễn Văn N - Sinh năm: 1967; con: Có 05 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Thị N** – Sinh năm: 1955 tại huyện H, tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn D, xã A, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Nguyễn Ngọc T (chết) và bà Đỗ Thị L - Sinh năm: 1930; chồng: Trần Văn Đ – Sinh năm: 1953; con: Có 07 con, lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. **Nguyễn Thị H** – Sinh năm: 1964 tại huyện H, tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn D, xã A, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đ (chết) và bà Võ Thị M (chết); chồng: Huỳnh Đình T - Sinh năm: 1961; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. **Nguyễn Thị T** – Sinh năm: 1962 tại huyện H, tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn D, xã A, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Phan Thị Ý - Sinh năm: 1930; chồng: Trần Văn N - Sinh năm: 1954; con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. **Võ Thị T** – Sinh năm: 1972 tại huyện H, tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn D, xã A, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ M - Sinh năm: 1950 và bà Đoàn Thị T - Sinh năm: 1950; chồng: Huỳnh Quốc N - Sinh năm: 1968; con: Có 05 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. **Nguyễn Thị N** – Sinh năm: 1956 tại huyện H, tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn D, xã A, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn X (chết) và bà Nguyễn Thị N (chết); chồng: Không có; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. **Lê Thị Đ** – Sinh năm: 1961 tại huyện H, tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn D, xã A, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Lê C (chết) và bà Tô Thị K (chết); chồng: Phan Đức H - Sinh năm: 1964; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. **Phan Thị H** – Sinh năm: 1977 tại huyện H, tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn D, xã A, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Y - Sinh năm: 1936 và bà Huỳnh Thị T - Sinh năm: 1939; chồng: Nguyễn Văn T – Sinh năm: 1976; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. **Trần Thị H** – Sinh năm: 1958 tại huyện H, tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn D, xã A, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần C (chết) và bà Hồ Thị Y (chết); chồng: Huỳnh Đình T - Sinh năm: 1964; con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

12. **Trần Văn N** – Sinh năm: 1954 tại huyện H, tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn D, xã A, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần K (chết) và bà Cái Thị V – Sinh năm: 1930; vợ: Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1962; con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

13. **Lê Văn L** – Sinh năm: 1969 tại huyện H, tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn D, xã A, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê C (chết) và bà Tô Thị K (chết); vợ: Lê Thị Đ (đã ly hôn); con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

14. **Nguyễn Đắc T** – Sinh năm: 1964 tại huyện H, tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn D, xã A, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn G (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); vợ: Trần Thị M – Sinh năm: 1972; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

15. **Lê Thị D** – Sinh năm: 1973 tại huyện H, tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn D, xã A, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc Ô (chết) và bà Tống Thị T - Sinh năm: 1942; chồng: Tô Văn Đ - Sinh năm: 1965; con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

16. **Nguyễn Thị L** – Sinh năm: 1969 tại huyện H, tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn T, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N (chết) và bà Đinh Thị H - Sinh năm: 1930; chồng: Huỳnh Đình A - Sinh năm: 1966; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

17. **Trần Thị A** – Sinh năm: 1955 tại huyện H, tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn V, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T (chết) và bà Nguyễn Thị N (chết); chồng: Nguyễn Văn T – Sinh năm: 1953; con: Có 07 con, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:*

1. Người bào chữa cho các bị cáo:

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị N: Ông Nguyễn Ánh Q – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- Người bào chữa cho các bị cáo Võ Thị T, Lê Thị Đ: Ông Nguyễn Thành Q – Trưởng Văn phòng luật sư Nguyễn Thành Q

Địa chỉ: Số 08 đường Trần Thị L, thành phố T, tỉnh Q.

2. Người bị hại: Ông Phan Ngọc V – Sinh năm: 1948; trú tại: Thôn D, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Đỗ Thị L – Sinh năm: 1950; trú tại: Thôn D, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

4. Người làm chứng:

- Chị Tô Đỗ Thị Xuân V – Sinh năm: 1981; (Vắng mặt)

- Ông Phan Văn B – Sinh năm: 1957; (Vắng mặt)

- Chị Trần Thị L – Sinh năm: 1976; (Vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị B – Sinh năm: 1967; (Vắng mặt)

- Anh Liễu Phước Bi – Sinh năm: 1967; (Vắng mặt)

Đồng trú tại: Thôn L, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.

- Anh Phan Văn T - Sinh năm: 1965; (Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn N - Sinh năm: 1963; (Vắng mặt)

- Chị Trần Thị N – Sinh năm: 1962; (Vắng mặt)

- Chị Phan Thị P – Sinh năm: 1966; (Vắng mặt)
- Bà Tô Thị P – Sinh năm: 1954; (Vắng mặt)
- Chị Phan Thị Bích N – Sinh năm: 1990; (Vắng mặt)
- Ông Trần Văn T – Sinh năm: 1956; (Vắng mặt)

Đồng trú tại: Thôn D, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 1993, ông Phan Ngọc V được các cơ quan có thẩm quyền cho canh tác trồng cây bạch đàn tại khu vực có tục danh Hồ Đông thuộc thôn D, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; ngày 05/12/2000, ông V đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00148/QSĐĐ với diện tích 05ha tại khu vực Hồ Đông để trồng rừng; ông V trồng cây bạch đàn, sau đó là cây keo nguyên liệu giấy và đã khai thác nhiều lần trên toàn bộ diện tích đã được cấp giấy chứng nhận. Tháng 11/2014, sau khi khai thác xong, ông V tiếp tục trồng mới cây keo con thì xảy ra tranh chấp đất giữa ông V với Nguyễn Đắc T, Võ Thị T và một số người ở thôn D, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định. Ban thôn D và Ủy ban nhân dân xã A đã tiến hành hòa giải tranh chấp đất nói trên; tại biên bản hòa giải ngày 05/12/2014, Ủy ban nhân dân xã A kết luận: Không chấp nhận việc đòi lại đất rẫy cũ của các hộ dân. Do đó, các đối tượng nói trên không thống nhất nên đã cùng nhau nhiều lần thực hiện hành vi nhỏ, chặt phá cây keo của ông V; cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 06/12/2014, 12 người gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H, Lê Văn L, Phan Thị H, Võ Thị T, Lê Thị Đ, Lê Thị D, Trần Thị N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Đắc T, Nguyễn Thị L, Trần Thị H đến tranh giành và nhổ bỏ 4.000 cây keo của ông V.

- Lần thứ hai: Ngày 12/12/2014, 11 người gồm: Nguyễn Thị T, Phan Thị H, Võ Thị T, Lê Thị Đ, Lê Thị D, Trần Thị N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L và Trần Thị A nhổ phá 1.700 cây keo của ông V.

- Lần thứ ba: Ngày 03/01/2015, 09 người gồm: Phan Thị H, Võ Thị T, Lê Thị Đ, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H, Trần Văn C, Trần Văn N và Nguyễn Thị L tiếp tục nhổ phá 9.800 cây keo con của ông V.

- Lần thứ tư: Ngày 18/11/2015, 11 người gồm: Trần Văn C, Trần Thị N, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Võ Thị T, Nguyễn Thị N, Lê Thị Đ, Phan Thị H và Trần Thị H mỗi người cầm 01 cái rựa cùng đi đến khu vực rẫy tại Hồ Đông rồi dùng rựa chặt phá 776 cây keo nguyên liệu giấy khoảng 01 năm tuổi của ông V.

- Lần thứ năm: Ngày 09/01/2016, ông V tiếp tục trồng keo thì 07 người gồm: Trần Thị H, Trần Thị N, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, Võ Thị T, Nguyễn Thị N và Lê Thị Đ tiếp tục đến rẫy của ông V dùng tay nhỏ bỏ 2.000 cây keo nguyên liệu giấy.

- Lần thứ sáu: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 08/11/2016, biết được ông V đang trồng cây keo con thì 06 người gồm: Võ Thị T, Lê Thị Đ, Trần Thị N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L và Trần Văn N đã dùng tay nhỏ phá của ông V 630 cây keo. Đến khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, 04 người gồm: Võ Thị T, Lê Thị Đ, Nguyễn Thị L, Trần Văn N tiếp tục nhỏ phá 370 cây keo của ông V. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, 07 người gồm: Võ Thị T, Trần Thị N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Trần Thị H và Trần Văn N tiếp tục đến nhỏ phá 1.992 cây keo của ông V.

Như vậy, qua 06 lần thực hiện hành vi nhỏ và chặt phá keo của ông Phan Ngọc V, các bị cáo đã gây thiệt hại 21.268 cây keo (keo mới trồng và keo đã trồng 01 năm tuổi).

Theo Kết luận định giá ngày 14/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H đã kết luận:

- Cây keo nguyên liệu giấy thiệt hại ngày 06/12/2014: 4.000 cây, chiều cao mỗi cây 40cm có giá trị: 7.238.000 đồng;

- Cây keo nguyên liệu giấy thiệt hại ngày 12/12/2014: 1.700 cây, chiều cao mỗi cây 40cm có giá trị: 2.918.800 đồng;

- Cây keo nguyên liệu giấy thiệt hại ngày 03/01/2015: 9.800 cây, chiều cao mỗi cây 40cm có giá trị: 16.017.400 đồng;

- Cây keo nguyên liệu giấy thiệt hại ngày 18/11/2015: 776 cây, khoảng 01 năm tuổi, cây lớn nhất có đường kính 04cm, cao 5,35m, cây nhỏ nhất có đường kính gốc 0,5cm, cao 1,17m có giá trị: 6.656.232 đồng;

- Cây keo nguyên liệu giấy thiệt hại ngày 09/01/2016: 2.000 cây, chiều cao trung bình 30cm có giá trị: 8.764.000 đồng;

- Cây keo nguyên liệu giấy thiệt hại ngày 08/11/2016: 2.992 cây, chiều cao trung bình khoảng 60cm, đường kính gốc trung bình 0,25cm có giá trị: 12.257.680 đồng.

Tổng giá trị thiệt hại là 53.853.112 đồng.

** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HSST ngày 19 tháng 3 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định đã quyết định:*

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Võ Thị T, Lê Thị Đ, Trần Thị N, Nguyễn Thị L, Trần Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Trần Văn C, Phan Thị H, Nguyễn Thị N, Trần Văn N, Nguyễn Đắc T, Lê Văn L, Lê Thị D, Nguyễn Thị L, Trần Thị A phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Thị T 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 178; các điểm b, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Lê Thị Đ 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị N 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị D 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phan Thị H 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính ngày tuyên án sơ thẩm.

- Giao các bị cáo Nguyễn Thị L, Trần Thị N, Trần Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Lê Thị D, Phan Thị H, Trần Văn C, Trần Văn N, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Định quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị A 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân nơi cư trú nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân nơi cư trú nhận được quyết định thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đắc T 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân nơi cư trú nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Trần Thị A, Lê Văn L và Nguyễn Đắc T cho UBND xã A, huyện H, tỉnh Bình Định quản lý, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 587, 589 của Bộ luật dân sự 2015.

Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại Phan Ngọc V 53.853.112 đồng theo phần của mỗi bị cáo đã gây thiệt hại như sau: Võ Thị T: 6.479.866 đồng; Nguyễn Thị N: 6.100.980 đồng; Lê Thị Đ: 5.314.294 đồng; Trần Thị N: 4.325.133 đồng; Nguyễn Thị L 4.700.186 đồng; Trần Thị H: 3.624.881 đồng; Nguyễn Thị H 4.153.561 đồng; Nguyễn Thị T 2.725.715 đồng;

Trần Văn C 2.384.823 đồng; Phan Thị H 3.253.426 đồng; Nguyễn Thị N 2.650.259 đồng; Trần Văn N 3.754.670 đồng; Nguyễn Thị L 2.045.147 đồng; Lê Thị D 868.603 đồng; Trần Thị A 265.436 đồng; Nguyễn Đắc T 603.166 đồng; Lê Văn L 603.166 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả để đảm bảo cho việc thi hành án; gồm:

- Bị cáo Trần Văn N: 3.754.670 đồng theo biên lai thu số 01601 ngày 24/02/2017, biên lai thu số 01609 ngày 04/5/2017, biên lai thu số 01647 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Bị cáo Nguyễn Thị L: 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 01607 ngày 24/4/2017 và biên lai thu số 01703 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Bị cáo Nguyễn Thị N: 500.000 đồng theo biên lai thu số 01606 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Bị cáo Trần Thị H: 500.000 đồng theo biên lai thu số 01602 ngày 21/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Bị cáo Nguyễn Thị H: 500.000 đồng theo biên lai thu số 01604 ngày 21/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Bị cáo Nguyễn Thị N: 500.000 đồng theo biên lai thu số 01603 ngày 21/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Bị cáo Phan Thị H 3.253.426 đồng theo biên lai thu số 01605 ngày 21/4/2017 và biên lai thu số 01702 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Bị cáo Nguyễn Thị T: 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 01608 ngày 04/5/2017, biên lai thu số 003348 ngày 24/02/2017 và biên lai thu số 01646 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Bị cáo Trần Văn C: 2.384.823 đồng theo biên lai thu số 003346 ngày 24/02/2017 và biên lai thu số 01648 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Bị cáo Lê Thị Đ: 500.000 đồng theo biên lai thu số 003350 ngày 24/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Bị cáo Trần Thị N: 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 003347 ngày 24/02/2017 và biên lai thu số 01649 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Bị cáo Võ Thị T: 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 003349 ngày 24/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Bị cáo Nguyễn Thị L: 2.045.147 đồng theo biên lai thu số 01650 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; phần án phí; quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

*/- Ngày 01/4/2019, các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị N, Lê Thị Đ, Võ Thị T, Nguyễn Đắc T kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm do các chứng cứ kết tội tại bản án sơ thẩm không đúng thực tế và pháp luật.

*/- Ngày 25/3/2019, người bị hại ông Phan Ngọc V kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt và bồi thường thiệt hại đối với tất cả các bị cáo.

*/- Tại phiên tòa, các bị cáo có kháng cáo yêu cầu xem xét lại trình tự, thủ tục giao quyền sử dụng đất cho ông Phan Ngọc V đối với thửa đất tại khu vực Hố Đông, thôn D, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và xác định lại thiệt hại là số cây keo thực tế do ông Văn trồng bị các bị cáo nhổ bỏ. Ngoài ra, các bị cáo Nguyễn Thị N, Lê Thị Đ, Võ Thị T còn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

*/- Tại phiên tòa, người bị hại đã rút toàn bộ kháng cáo về việc yêu cầu tăng mức hình phạt và bồi thường thiệt hại đối với tất cả các bị cáo. Ngoài ra, người bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị N, Lê Thị Đ, Võ Thị T.

*/- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu rút toàn bộ kháng cáo của người bị hại; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người bị hại về phần hình phạt của các bị cáo Trần Thị N, Nguyễn Thị L, Trần Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Trần Văn C, Phan Thị H, Nguyễn Thị N, Trần Văn N, Nguyễn Đắc T, Lê Văn L, Lê Thị D, Nguyễn Thị L, Trần Thị A và phần bồi thường thiệt hại; bác kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị N, Lê Thị Đ, Võ Thị T, Nguyễn Đắc T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*/- Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị N trình bày lời bào chữa cho các bị cáo: Đề nghị xem xét số lượng cây keo bị phá và định giá tài sản bị thiệt hại cho phù hợp với quy định của pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 06-09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

*/- Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo Võ Thị T, Lê Thị Đ trình bày lời bào chữa cho các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét tính hợp pháp đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V; xác định số lượng cây thiệt hại và định giá tài sản chưa chính xác.

*/- Tại phiên tòa, các bị cáo không có kháng cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người bị hại đã rút toàn bộ kháng cáo về việc yêu cầu tăng mức hình phạt và bồi thường thiệt hại đối với tất cả các bị cáo.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người bị hại về phần hình phạt của các bị cáo Trần Thị N, Nguyễn Thị L, Trần Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Trần Văn C, Phan Thị H, Nguyễn Thị N, Trần Văn N, Nguyễn Đắc T, Lê Văn L, Lê Thị D, Nguyễn Thị L, Trần Thị A và phần bồi thường thiệt hại. Quyết định về phần hình phạt của các bị cáo nói trên và phần bồi thường thiệt hại có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm (ngày 16/8/2019)

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện H; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Do có mâu thuẫn trong việc đòi lại đất rẫy cũ, từ ngày 06/12/2014 đến ngày 08/11/2016, các bị cáo Nguyễn Thị N, Võ Thị T, Lê Thị Đ, Trần Thị N, Nguyễn Thị L, Trần Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Trần Văn C, Phan Thị H, Nguyễn Thị N, Trần Văn N, Nguyễn Đắc T, Lê Văn L, Lê Thị D, Nguyễn Thị L, Trần Thị A đã 06 lần thực hiện hành vi chặt phá, nhổ bỏ các cây keo của ông Phan Ngọc V trồng trên khu vực đất đang có tranh chấp. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo nói trên đều thống nhất về thời gian, hành vi nhổ bỏ và số lần nhổ bỏ các cây keo do ông V trồng của từng bị cáo; cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 06/12/2014, 12 người tham gia nhổ bỏ cây keo của ông Văn gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H, Lê Văn L, Phan Thị H, Võ Thị T, Lê Thị Đ, Lê Thị D, Trần Thị N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Đắc T, Nguyễn Thị L, Trần Thị H.

- Lần thứ hai: Ngày 12/12/2014, 11 người tham gia nhổ phá cây keo của ông Văn gồm: Nguyễn Thị T, Phan Thị H, Võ Thị T, Lê Thị Đ, Lê Thị D, Trần Thị N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L và Trần Thị A.

- Lần thứ ba: Ngày 03/01/2015, 09 người tham gia nhổ phá cây keo của ông Văn gồm: Phan Thị H, Võ Thị T, Lê Thị Đ, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H, Trần Văn C, Trần Văn N và Nguyễn Thị L.

- Lần thứ tư: Ngày 18/11/2015, 11 người dùng rựa chặt phá cây keo của ông Văn gồm: Trần Văn C, Trần Thị N, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Võ Thị T, Nguyễn Thị N, Lê Thị Đ, Phan Thị H và Trần Thị H.

- Lần thứ năm: Ngày 09/01/2016, 07 người tham gia nhổ bỏ cây keo của ông Văn gồm: Trần Thị H, Trần Thị N, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, Võ Thị T, Nguyễn Thị N và Lê Thị Đ.

- Lần thứ sáu: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 08/11/2016, 06 người tham gia nhổ phá cây keo của ông Văn gồm: Võ Thị T, Lê Thị Đ, Trần Thị N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L và Trần Văn N. Đến khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, 04 người tham gia nhổ phá cây keo của ông Văn gồm: Võ Thị T, Lê Thị Đ, Nguyễn Thị L, Trần Văn N. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, 07 người tham gia nhổ phá cây keo của ông Văn gồm: Võ Thị T, Trần Thị N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Trần Thị H và Trần Văn N.

[4] Các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị N, Lê Thị Đ, Võ Thị T, Nguyễn Đắc T kháng cáo yêu cầu xem xét lại trình tự, thủ tục giao quyền sử dụng đất cho ông Phan Ngọc V đối với thửa đất tại khu vực Hồ Đông, thôn D, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và xác định lại thiệt hại là số cây keo thực tế do ông Văn trồng bị các bị cáo nhổ bỏ. Ngoài ra, các bị cáo Nguyễn Thị N, Lê Thị Đ, Võ Thị T còn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

[5] Căn cứ quy định tại các Điều 1, 2, 3 Bộ luật Tố tụng hình sự thì yêu cầu kháng cáo của các bị cáo về việc yêu cầu xem xét lại trình tự, thủ tục giao quyền sử dụng đất cho ông Phan Ngọc Văn đối với thửa đất tại khu vực Hồ Đông, thôn D, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án trong vụ án hình sự; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét yêu cầu kháng cáo nói trên.

[6] Các bị cáo kháng cáo yêu cầu xác định lại thiệt hại của ông Phan Ngọc V vì cho rằng Cơ quan Cảnh sát điều tra chỉ dựa trên lời khai của người bị hại mà xác định số cây keo của ông V bị các bị cáo chặt phá, nhổ bỏ là không đúng thực tế. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 09/8/2016 (BL 455, 456), bị cáo Phan Thị H khai: “Ngày 06/12/2014, tôi cùng bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H, Lê Văn L, Võ Thị T, Lê Thị Đ, Lê Thị D, Trần Thị N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N cùng ở D, A, A, Bình Định; Trần Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Đắc T ở T, A, H đến khu vực rẫy tranh chấp nhỏ khoảng 4.000 cây keo nguyên liệu giấy của ông V. Ngày 12/12/2014, tôi cùng bà T, T, Đ, D, N, N, L, N, L nhổ

của ông V 1.700 cây keo nguyên liệu giấy. Ngày 03/01/2015, tôi, bà T, Đ, N, N, H, C, L cùng ở A, H, Bình Định nhổ toàn bộ số keo nguyên liệu giấy của ông V trồng tại khu vực rẫy tranh chấp...

- Tại Biên bản vụ việc ngày 06/12/2014 do Công an xã A, huyện H, tỉnh Bình Định lập về việc nhổ keo ngày 06/12/2014 (BL 147) đã thể hiện nội dung sau đây: *“Lời khai của người biết việc là ông Trần Văn T: “Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 06/12/2014, tôi có nhận được điện thoại của ông Phan Ngọc V thì tôi lên rẫy thì thấy số keo bị nhổ bỏ đã hư hỏng hoàn toàn và số keo bị nhổ khoảng 7.000 cây”. Qua kiểm tra hiện trường, chúng tôi chỉ thấy số keo bị gãy, nhổ khoảng 7.000 cây”. Tuy nhiên, tại biên bản ghi nhận tình trạng tài sản bị thiệt hại ngày 10/12/2014 (BL 150) và các biên bản lấy lời khai, ông V đều xác định thiệt hại do các bị cáo gây ra vào ngày 06/12/2014 là 4.000 cây keo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định vào ngày 06/12/2014, các bị cáo đã nhổ bỏ 4.000 cây keo là phù hợp, đảm bảo quy định có lợi cho người phạm tội.*

- Tại Biên bản vụ việc ngày 12/12/2014 do Công an xã A, huyện H, tỉnh Bình Định lập về việc nhổ keo ngày 12/12/2014 (BL 151) đã thể hiện nội dung sau đây: *“Lời khai của người biết việc là ông Trần Văn T: “Vào 14 giờ 00 phút, tôi nhận được điện thoại của ông Phan Ngọc V báo thì tôi xuống và lên rẫy ông Văn thấy số keo bị nhổ bỏ hư hỏng hoàn toàn và bị nhổ khoảng 1.700 cây”.*

- Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 26/7/2018 (BL 216, 217), bị cáo Lê Thị Đ khai: *“... Riêng tôi có tham gia ba lần chặt và nhổ cây keo của ông V và đã bị khởi tố.*

Lần thứ nhất: Vào khoảng 14h00 ngày 18/11/2015, tôi cùng với những bị can khác gồm: Trần Văn C, Trần Thị N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị N, Võ Thị T, Phan Thị H, Trần Thị H cùng ở thôn D, A, H, Bình Định; mỗi người cầm một cái rựa đi đến rẫy keo nguyên liệu giấy của ông Phan Ngọc V trồng tại khu vực Hố Đông, D, A rồi đi xung quang trong rẫy keo dùng rựa chặt phá cây keo của ông V trồng khoảng một năm tuổi, tổng cộng 776 cây keo. Tôi chặt bao nhiêu cây tôi không nhớ rõ vì tôi không có đếm.

Lần thứ hai: Vào khoảng 7h00 ngày 9/01/2016, tôi cùng với những bị can khác gồm: Trần Thị H, Nguyễn Thị L, Trần Thị N, Nguyễn Thị T, Võ Thị T, Nguyễn Thị N cùng ở D, A, H, Bình Định đi đến rẫy keo của ông Phan Ngọc V trồng tại khu vực Hố Đông, D, A. Khi lên đến rẫy thì thấy công trồng keo cho ông V. Thấy vậy, tôi và những bị can trên đi tới dùng tay nhổ phá cây keo. Công trồng keo cho ông V đến đâu tôi và những bị can trên nhổ đến đó. Tôi nhổ phá bao nhiêu cây tôi không rõ vì không có đếm. Tổng số lượng cây keo tôi và những bị can trên nhổ phá là 2.000 cây keo.

Lần thứ ba: Vào ngày 8/11/2016, tôi cùng những bị can khác gồm: Nguyễn Thị L, Võ Thị T, Trần Thị N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H, Trần Thị H, Trần Văn N cùng ở D, A, H, Bình Định tiếp tục đi đến rẫy keo của ông Phan Ngọc V

mới trồng tại khu vực Hồ Đông, D, A rồi đi xung quang trong rẫy dùng tay nhỏ phá cây keo mới trồng của ông V. Lúc đó khoảng 15h00 ngày 8/11/2016. Số lượng cây keo tôi nhỏ bao nhiêu không nhớ rõ vì không đếm. Tổng số lượng cây keo tôi và những bị can khác nhỏ phá là 2.992 cây keo... ”

- Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 26/7/2018 (BL 232, 233), bị cáo Nguyễn Thị L cũng đã thừa nhận số cây keo bị chặt hoặc nhỏ phá ngày 18/11/2015 là 776 cây keo; ngày 09/01/2016 là 2.000 cây keo và ngày 8/11/2016 là 2.992 cây keo.

Từ những căn cứ nói trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định qua 06 lần thực hiện hành vi nhỏ và chặt phá keo của ông Phan Ngọc V, các bị cáo đã gây thiệt hại 21.268 cây keo (keo mới trồng và keo đã trồng 01 năm tuổi); cụ thể: Lần thứ nhất (ngày 06/12/2014): 4.000 cây keo, lần thứ hai (ngày 12/12/2014): 1.700 cây keo, lần thứ ba (ngày 03/01/2015): 9.800 cây keo, lần thứ tư (ngày 18/11/2015): 776 cây keo, lần thứ năm (ngày 09/01/2016): 2.000 cây keo, lần thứ sáu (ngày 08/11/2016): 2.992 cây keo (Đợt 1: 630 cây keo + Đợt 2: 370 cây keo + Đợt 3: 1.992 cây keo) là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị N, Lê Thị Đ, Võ Thị T, Nguyễn Đắc T yêu cầu xác định lại thiệt hại là số cây keo thực tế do ông V trồng bị các bị cáo nhỏ bỏ.

[7] Về việc định giá tài sản bị thiệt hại:

Như đã phân tích nói trên, số cây keo của ông V đã bị các bị cáo chặt phá hoặc nhỏ bỏ là 21.268 cây keo (keo mới trồng và keo đã trồng 01 năm tuổi). Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện H đã tiến hành định giá giá trị thiệt hại đối với số cây keo bị hủy hoại nói trên theo quy định tại Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản, trình tự thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Thông tư số 43/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản, trình tự thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

Về việc xác định chiều cao của cây keo nguyên liệu giấy ngày 18/11/2015, theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 19/1/2015 (BL 08) đã xác định là 1,17m; tuy nhiên, trong Bản kết luận định giá tài sản ngày 14/9/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện H là 1,17cm; tại phiên tòa, một trong các thành viên của Hội đồng định giá đã thừa nhận có sai sót do lỗi đánh máy.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo có kháng cáo cũng không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự đối với số cây keo của ông V bị các bị cáo nhỏ bỏ là vi phạm pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị N, Lê Thị Đ, Võ Thị T, Nguyễn Đắc T yêu cầu xem xét lại trình tự,

thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự đối với số cây keo của ông V bị các bị cáo nhổ bỏ.

[7] Trên cơ sở số lần nhổ bỏ hoặc chặt phá 21.268 cây keo của ông Văn và gây thiệt hại là 53.853.112 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Võ Thị T, Nguyễn Thị N về tội “Hủy hoại tài sản” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Lê Thị Đ, Trần Thị N, Nguyễn Thị L, Trần Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Trần Văn C, Phan Thị H, Nguyễn Thị N, Trần Văn N, Nguyễn Đắc T, Lê Văn L, Lê Thị D, Nguyễn Thị L, Trần Thị A về tội “Hủy hoại tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự là đúng quy định.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thị N, Lê Thị Đ, Võ Thị T; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất mức độ của hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra cũng như đã xem xét áp dụng tình tiết như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường một phần thiệt hại; các bị cáo là phụ nữ, trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo N thuộc trường hợp hộ nghèo và là con Liệt sĩ được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo Đức phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là phù hợp.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại đã có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị N, Lê Thị Đ, Võ Thị T; bị cáo Đ đủ các điều kiện được hưởng án treo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Lê Thị Đ; chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thị N, Võ Thị T; sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị N, Võ Thị T, Lê Thị Đ cũng đủ có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[8] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Thị N, Lê Thị Đ, Võ Thị T không phải chịu.
- Các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Đắc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; các điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; các điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bác kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Đắc T; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị N, Lê Thị Đ, Võ Thị T. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị N, Võ Thị T, Lê Thị Đ.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người bị hại về phần hình phạt của các bị cáo Trần Thị N, Nguyễn Thị L, Trần Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Trần Văn C, Phan Thị H, Nguyễn Thị N, Trần Văn N, Nguyễn Đắc T, Lê Văn L, Lê Thị D, Nguyễn Thị L, Trần Thị A và phần bồi thường thiệt hại.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 178; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị T 12 (*Bằng chữ: Mười hai*) tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 178; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 09 (*Bằng chữ: Chín*) tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Đ 09 (*Bằng chữ: Chín*) tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (*Bằng chữ: Mười tám*) tháng tính ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 16/8/2019).

Giao bị cáo Lê Thị Đ cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Quyết định về phần hình phạt của các bị cáo Trần Thị N, Nguyễn Thị L, Trần Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Trần Văn C, Phan Thị H, Nguyễn Thị N, Trần Văn N, Nguyễn Đắc T, Lê Văn L, Lê Thị D, Nguyễn Thị L, Trần

Thị A và phần bồi thường thiệt hại có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm (ngày 16/8/2019).

5. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Thị N, Lê Thị Đ, Võ Thị T không phải chịu.

- Các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Đắc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*)

6. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Hiệu lực Bản án phúc thẩm: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1.TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT Công an huyện H;
- Cơ quan THAHS Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân H